

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Trụ sở chính: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại: 0501 3684 888 Fax: 0501 3684 666

Website: www.pc3hp.com.vn - Email: thuydiendl3@gmail.com



PC3 HP.Co

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2015





MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3

Tên nước ngoài: HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY - POWER NO.3

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0400456277 thay đổi lần thứ 04 vào ngày 17/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp

Vốn điều lệ: 95.000.000.000 đồng

Vốn chủ sở hữu: 108.809.930.318 đồng

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Số điện thoại: 0501 3684 888 Số fax: 0501 3684 666

Website: www.pc3hp.com.vn

Email: thuydiendl3@gmail.com

Mã cổ phiếu: DRL

Niêm yết tại: Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE)



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề

- ☛ Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
- ☛ Đầu tư xây dựng các dự án điện;
- ☛ Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- ☛ Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- ☛ Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- ☛ Tư vấn các công trình điện.

Địa bàn: Khu vực tỉnh Đắk Nông và tỉnh Đắk Lắk





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



20/11/2003

CTCP Thủy điện - Điện lực 3 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 20/11/2003 với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 95 tỷ đồng

16/12/2003

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (Nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) có Quyết định số 418/QĐ-EVN-HĐQT, về việc chuyển giao công trình thủy điện Đrây H'Linh 2 sang cho Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3



03/02/2004

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 làm chủ đầu tư công trình Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 theo văn bản số 411/CV-NLĐK của Bộ Công nghiệp



Tháng 11/2006

Tổ máy số 1 nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 chính thức vận hành phát điện thương mại hòa vào lưới điện quốc gia



Tháng 1/2007

Nhà máy Thủy điện Đrây H'linh 2 chính thức vận hành phát điện thương mại với 2 tổ máy có tổng công suất là 16 MW





Ngày 07/07/2008

Hoàn thành việc di chuyển và đăng ký trụ sở chính của Công ty đến địa điểm mới tại xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 số 6303000078, với số vốn điều lệ vẫn là 95 tỷ đồng

Ngày 11/04/2012

Cổ phiếu của công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DRL

Ngày 17/04/2013

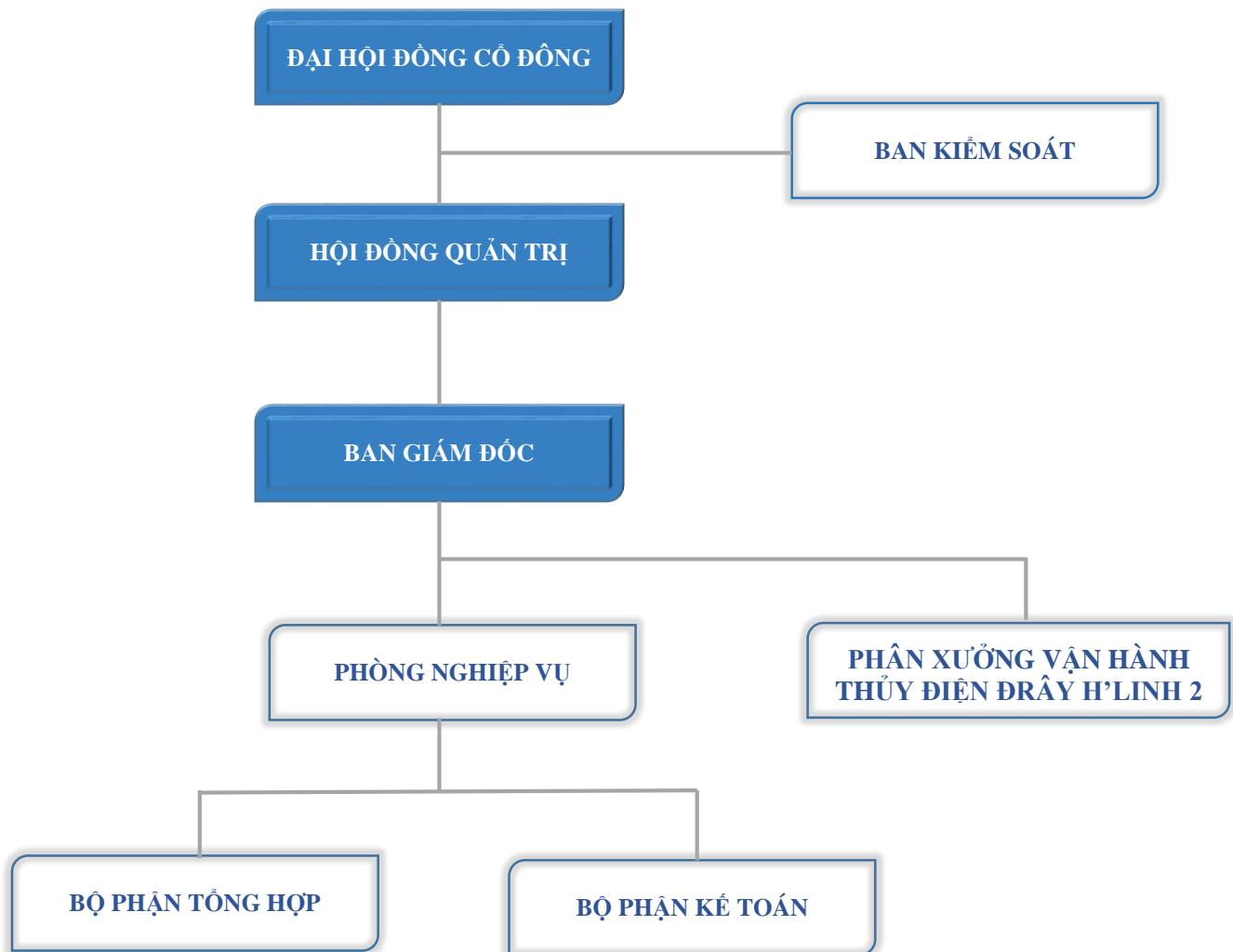
Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018

Ngày 17/12/2014

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400456277 thay đổi lần thứ 04 vào ngày 17/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần. Công ty được tổ chức gọn nhẹ để giảm thiểu và triệt tiêu những lãng phí không cần thiết, và hướng đến hiệu quả cao nhất cho cổ đông.



Công ty con, công ty liên kết: Không có



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông LÊ KIM HÙNG

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1956

Nguyên quán: TP. Đà Nẵng

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

- ☞ Từ 1975-1980: Bộ đội Viện quân y 17 Quân Khu 5
- ☞ Từ 1980-1981: Học văn hóa Trường văn hóa Quân khu 5
- ☞ Từ 1981-1986: Học trường Đại học bách khoa Đà Nẵng
- ☞ Từ 1986-1990: Công tác tại Xí nghiệp chế biến gỗ Hòa Vang, Đà Nẵng
- ☞ Từ 1990 đến nay làm Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Ông NGUYỄN SƠN

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1960

Nguyên quán: Thừa Thiên - Huế

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

- ☞ Từ 1985 - 1988: Kỹ sư giám sát tại Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'linh
- ☞ Từ 1989 - 1990: Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'linh
- ☞ Từ 1991 - 2003: Trưởng phòng Vật tư Vận tải – Điện lực Đắk Lắk
- ☞ Từ 2003 - 2005: Quản đốc phân xưởng thủy điện – Điện lực Đắk Lắk
- ☞ Từ 2005 - 2007: Phó Giám đốc Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3
- ☞ Từ tháng 10/2007 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Ông NGUYỄN MINH TIẾN

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1950

Nguyên quán: Quảng Trị

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

- ☞ Từ 1972-1975: Tham gia Quân đội
- ☞ Từ 1975-1978: Học Đại học Bách khoa
- ☞ Từ 1978-2010: Công tác tại Công ty Điện lực 3, Chức vụ: Phó Giám đốc
- ☞ Từ 2010 đến nay: Nghỉ hưu

Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1963

Nguyên quán: Quảng Bình

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

- ☞ Từ 1986 - 1990: Công tác tại Ban QLDA thủy điện Đrây Hlinh, chuyên viên Phòng Kỹ thuật.
- ☞ Từ 1990 - 1993: Công tác tại Nhà máy thủy điện Đrây Hlinh, CV Phòng Kỹ thuật
- ☞ Từ 1994 - 2003: Công tác tại Điện lực Đắk Lắk, CV Phòng Kỹ thuật
- ☞ Từ 4/2003 - 12/2006: Công tác tại Ban QLDA Năng lượng nông thôn khu vực miền Trung, Phó phòng Kỹ thuật
- ☞ Từ 2007 - 2010: Công tác tại Công ty Điện lực 3, Phó phòng Kỹ thuật
- ☞ Từ 2010 - nay: Công tác tại Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, Trưởng Ban Kỹ thuật

Ông NGUYỄN ĐỨC TRỌNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1952

Nguyên quán: Phú Thọ

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

- ☞ Từ 1969 - 1970 Học đại học Cơ điện Bắc Thái
- ☞ Từ 1970 - 1975 Đi bộ đội (Hạ sỹ quan)
- ☞ Từ 1975 - 1980 Học đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc
- ☞ Từ 1981 - 1987 Kỹ sư làm việc tại Đài Hoa Sen 1 Tổng cục Bưu điện
- ☞ Từ 1987 - 2012 Làm việc tại Công ty Điện lực Đắk Lắk, Chức vụ: Giám đốc
- ☞ Từ tháng 6/2012 đến nay Nghỉ hưu

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông HỒ THĂNG THU

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1968

Nguyên quán: Đà Nẵng

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- ☛ Từ 1990 - tháng 3/2014: Công tác tại Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
- ☛ Từ tháng 4/2014 đến nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty điện lực Miền Trung.

Ông LÊ DUY ANH TUẤN

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1968

Nguyên quán: Đà Nẵng

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- ☛ Từ 1988 - 1992: Sinh viên trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
- ☛ Từ 1992 - 2002 : Chuyên viên phòng Tổ chức - Lao động Công ty Điện lực 3
- ☛ Từ 2002 - 2010: Công tác tại phòng Tổ chức - Lao động Công ty Điện lực 3 – Chức vụ: Phó trưởng phòng
- ☛ Từ 2010 - nay: Công tác tại Ban Tổ chức và Nhân sự Tổng Công ty Điện lực miền Trung

Ông HỒ QUỐC VIỆT

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1960

Nguyên quán: Hà Tĩnh

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- ☛ Từ 1978 - 1983 Học tại trường Đại học Xây dựng Hà Nội
- ☛ Từ 1984 - 1991 Làm việc tại Ban Quản lý Nhà máy thủy điện Đrây Hlinh
- ☛ Năm 1992 Giám sát đường dây 500kV Bắc Nam
- ☛ Từ 1993 - đến nay Công tác tại Công ty Điện lực Đắk Lắk



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông NGUYỄN SƠN

Giám đốc

Năm sinh: 1960

Nguyên quán: Thừa Thiên - Huế

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

- ☛ Từ 1985 - 1988: Kỹ sư giám sát tại Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'linh
- ☛ Từ 1989 - 1990: Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'linh
- ☛ Từ 1991 - 2003: Trưởng phòng Vật tư Vận tải – Điện lực Đắk Lắk
- ☛ Từ 2003 - 2005: Quản đốc phân xưởng thủy điện – Điện lực Đắk Lắk
- ☛ Từ 2005 - 2007: Phó Giám đốc Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3
- ☛ Từ tháng 10/2007 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Ông VÕ ĐÌNH THANH TUẤN

Phó Giám đốc

Năm sinh: 1978

Nguyên quán: Quảng Ngãi

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

- ☛ Từ năm 1995 - 2000: Sinh viên trường Đại học SPKT TP Hồ Chí Minh
- ☛ Từ năm 2000 - 2005: Công tác tại PX Thủy điện - Điện lực Đắk Lắk
- ☛ Từ năm 2005 - 2008: Chuyên viên phòng KHKT Công ty Cp Thủy điện - Điện lực 3
- ☛ Từ năm 2008 đến nay: Quản đốc Phân xưởng vận hành, Công ty Cp Thủy điện - Điện lực 3
- ☛ Từ Ngày 01/02/2015: bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty Cp Thủy điện - Điện lực 3

Ông PHẠM ĐỨC HÙNG

Kế Toán trưởng kiêm TP Nghiệp vụ

Năm sinh: 1965

Nguyên quán: Hưng Yên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- ☛ Từ 1983 - 2004 Công tác tại Điện lực Đắk Lắk, Phó TP Kế toán
- ☛ Từ 2004 - 2008 Công tác tại Điện lực Đắk Nông, Trưởng phòng Kế toán
- ☛ Từ 2008 - 2011 Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3, Trưởng phòng Nghiệp vụ
- ☛ Từ 2011 đến nay Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3, Kế Toán trưởng kiêm Trưởng phòng Nghiệp vụ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay là tập trung vào công tác vận hành kinh doanh Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 một cách an toàn và hiệu quả, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch hàng năm đề ra.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hiện tại, Công ty chưa triển khai đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới ngoài sản xuất kinh doanh điện năng. Tuy nhiên trong tương lai gần, để khai thác tốt các tiềm năng vật chất, tài chính và nhân sự của Công ty, HĐQT đã giao cho Giám đốc tìm kiếm cơ hội đầu tư kinh doanh có hiệu quả theo các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, nhưng trước mắt và chủ yếu là tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi: Đầu tư và xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng thủy điện, cụ thể là tìm kiếm các dự án thủy điện hiệu quả trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên để đầu tư nhằm mục đích mở rộng phát triển Công ty.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Thời gian qua Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường thể hiện qua đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-BTNMT ngày 07/03/2013. Trong thời gian tới Công ty sẽ thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát và quản lý môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để kịp thời triển khai nhằm giảm thiểu thiệt hại đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên.

RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 là 6,68%, chỉ số CPI năm 2015 là 0,63%, cho thấy dấu hiệu khả quan của nền kinh tế ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Cũng như các ngành khác, ngành điện cũng chịu ảnh hưởng từ sự điều chỉnh của chu kỳ kinh tế, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của các đơn vị thủy điện ít hơn so với các đơn vị khác trong ngành điện.

Một yếu tố đầu vào rất quan trọng của toàn bộ nền kinh tế chính là năng lượng điện. Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng. Tuy nhiên, đối với nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, sau nhiều năm thiếu hụt đầu tư phát triển điện năng, sức cầu luôn vượt sức cung ngay cả trong hoàn cảnh suy thoái kinh tế thế giới trong năm 2008 và 2009. Đặc điểm này có lẽ sẽ tiếp tục được duy trì trong nhiều năm tới.

Rủi ro đặc thù về ngành sản xuất kinh doanh thủy điện

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình bê tông của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết vẫn tồn tại trong toàn bộ thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn cố gắng theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình bê tông, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

Rủi ro về pháp luật

Hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Điển hình như trong năm qua, Luật doanh nghiệp mới số 68/2014/QH13 chính thức có hiệu lực dẫn đến việc thay đổi trong Quy chế, Điều lệ và các hoạt động quản trị của Công ty..... Tuy nhiên, rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao bởi đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư, nên nhiều khả năng có những thay đổi về pháp lý theo hướng có lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

Rủi ro về biến động giá bán điện

Năm 2008, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 18/2008/QĐ-BCT, ngày 18/07/2008, ban hành Quy định về biểu giá chi phí tránh được và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các nhà máy điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo.

Năm 2011, Công ty đã thực hiện việc ký kết hợp đồng với bên mua điện là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết ban hành hàng năm. Từ khi áp dụng biểu giá chi phí tránh được đến nay thì giá bán điện trung bình hàng năm của Công ty được điều chỉnh tăng từ 5 - 15 %. Việc tăng giá bán điện của Cục Điều tiết dẫn tới ảnh hưởng có lợi về giá bán điện của Công ty

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLD, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2015 và tình hình thực hiện so với các chỉ tiêu đã đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2014	TH 2015	KH 2015	TH 2015/ KH 2015	TH 2015/ TH 2014
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	79.518.827	53.838.870	70.000.000	76,91%	67,71%
2	Tổng doanh thu	Đồng	65.891.343.979	65.555.917.904	63.745.998.000	102,84%	99,49%
3	Tổng chi phí	Đồng	29.659.918.769	28.684.680.131	24.699.617.000	116,13%	96,71%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	36.231.425.210	36.871.237.773	39.046.381.000	94,43%	101,77%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	34.030.247.604	34.659.980.905	36.839.061.925	94,08%	101,85%
6	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/ Cổ phần	3.366	3.429	3.604	95,14%	101,87%
7	Chia cổ tức bằng tiền mặt (*)	%	Dự kiến 33.66%	34,29%	Từ 36% trở lên		

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 15/04/2015)

Năm 2015 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với Ngành Thủy điện Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 nói riêng. Do chịu ảnh hưởng của hiện tượng El Niño kéo dài từ cuối năm 2014 nên hầu hết lưu lượng nước về các hồ thủy điện thấp hơn so với trung bình nhiều năm. Từ tháng 3, khu vực Tây Nguyên bước vào mùa cạn kiệt do trong năm 2014, lượng mưa trên toàn lưu vực sông Srêpôk thấp hơn rất nhiều so với những năm trước đó, cộng với việc mùa mưa kết thúc sớm hơn mọi năm làm ảnh hưởng lớn đến lưu lượng nước về các hồ trong năm 2015. Mặt khác, công tác sản xuất của Công ty phụ thuộc hoàn toàn vào việc vận hành của Thủy điện Hòa Phú, lượng nước về phục vụ cho công tác sản xuất điện thấp hơn khá nhiều so với trung bình nhiều năm đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng điện thương phẩm của Công ty. Có thể thấy, sản lượng điện thương phẩm năm 2015 đã giảm mạnh so với năm 2014, chỉ bằng 67,71% của năm 2014 và chỉ đạt 76,91% so với kế hoạch đề ra đầu năm.

Mặc dù sản lượng điện giảm mạnh nhưng doanh thu duy trì ở mức ngang bằng so với năm 2014 và cao hơn gần 3% so với mục tiêu đề ra. Nguyên nhân là do giá bán điện bình quân năm 2015 tăng cao hơn so với năm 2014, đồng thời phát sinh doanh thu do được hoàn phí môi trường bảy tháng năm 2011 và cả năm 2012. Ngoài ra Công ty còn được miễn thuế tài nguyên nước và phí môi trường rừng. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 94,43% so với mục tiêu đề ra từ đầu năm.

Mặc dù vậy nhưng so với năm 2014, thì kết quả kinh doanh năm 2015 có xu hướng tăng nhẹ. Năm 2015, tổng chi phí là 28,7 tỷ đồng giảm hơn 3% so với năm trước đó. Lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 36,9 tỷ đồng, tăng gần 2% so với năm liền trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 34,7 tỷ đồng tăng gần 2% so với năm 2014. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu đạt 3.429 đồng, bằng 101,87% so với cùng kỳ năm trước.

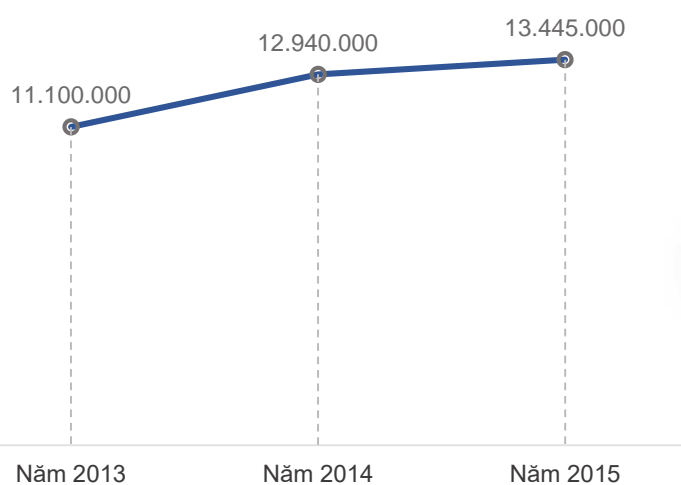
Nhìn chung, so với mục tiêu đã đặt ra cho năm 2015, mặc dù doanh thu vượt kế hoạch nhưng do phải hạch toán hai khoản thuế tài nguyên và phí môi trường rừng năm 2015 vào chi phí (do khi lập kế hoạch không đưa vào), làm cho tổng chi phí tăng 16,16% so với Nghị quyết, dẫn đến lợi nhuận đạt mức thấp hơn so với mục tiêu. Tuy nhiên trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, việc tăng trưởng lợi nhuận so với năm 2014 đã là kết quả rất đáng khích lệ đối với tập thể Công ty cổ phần Thủy điện – Điện lực 3.

CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	32	100
1	Trình độ trên đại học	0	0,00%
2	Trình độ đại học	7	21,88%
3	Cao đẳng, Công nhân kỹ thuật	19	59,37%
4	Lao động phổ thông	6	18,75%
II	Theo loại hợp đồng lao động	32	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	32	100,00%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	0	0,00%
III	Theo giới tính	32	100,00%
1	Nam	30	93,75%
2	Nữ	2	6,25%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	2015 so với 2014
Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên	Người	32	32	32	100%
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	11.100.000	12.940.000	13.445.000	103,90%

THU NHẬP BÌNH QUÂN (đồng)



Về tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của mỗi nhân viên và chào đón các ứng viên muốn gắn bó lâu dài với Công ty, có phong cách làm việc chuyên nghiệp và năng động. Do đó, để thu hút nhân tài và tạo nên sự gắn kết lâu dài của cán bộ công nhân viên, giữ chân người lao động có chuyên môn cao phục vụ lâu dài cho Công ty, Ban điều hành đã đề ra các chính sách lương, thưởng rõ ràng, công khai và đặc biệt đối với các nhân viên xuất sắc, nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực mà họ đang phụ trách.

Môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc hiện đại, năng động, thân thiện và cân bằng cho cán bộ công nhân viên. Tất cả nhân viên làm việc tại Công ty cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 đều được tạo cơ hội để phát huy tối đa khả năng của bản thân đồng thời phát triển, mở rộng vốn kiến thức hiểu biết. Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực và trí tuệ luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời.

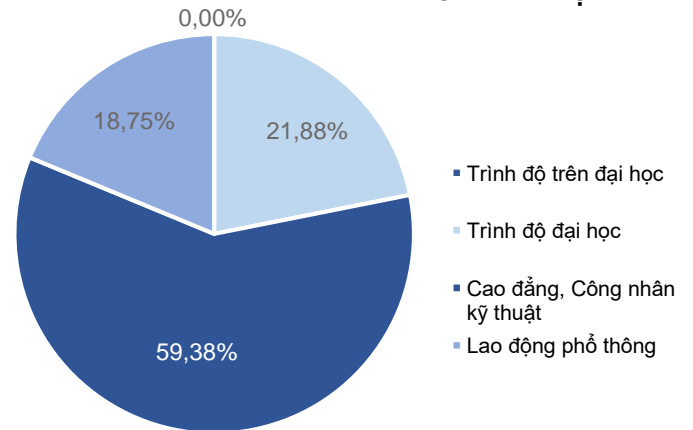
Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty áp dụng cơ chế trả lương tương xứng với mức độ cống hiến và năng lực cạnh tranh của cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng xây dựng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn, đảm bảo sự công bằng và hài lòng cho nhân viên. Các chế độ, chính sách đối với người lao động được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể như các chế độ BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn, chế độ nghỉ dưỡng, phụ cấp thâm niên, trang bị đồng phục, hỗ trợ nghỉ việc, hưu trí,... đều thực hiện đầy đủ cho người lao động.

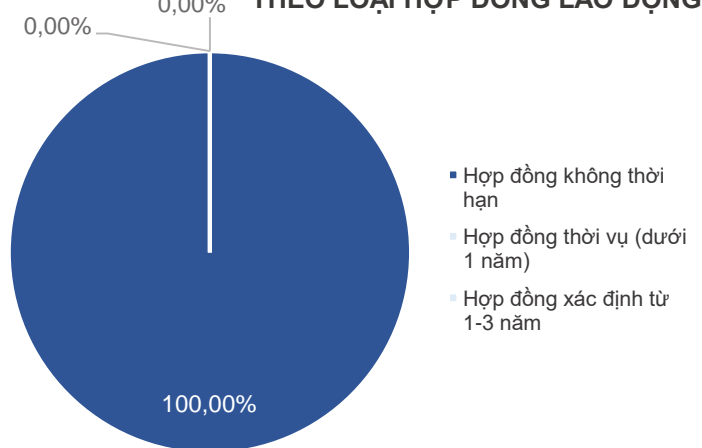
Về đào tạo

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên, thường xuyên tổ chức cho cán bộ, nhân viên các bộ phận tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ... Bên cạnh đó, chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế bằng nhiều hình thức.

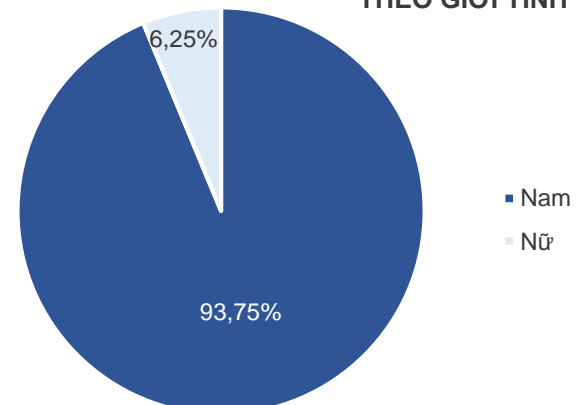
BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ 2015 so với 2014
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	137.837.693.182	133.783.501.086	97,06%
2	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	63.756.158.418	63.245.953.660	99,20%
3	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Đồng	2.135.185.561	2.000.253.913	93,68%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	36.231.425.210	36.808.324.715	101,59%
5	Lợi nhuận khác	Đồng	-	62.913.058	
6	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	36.231.425.210	36.871.237.773	101,77%
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	34.030.247.604	34.659.980.905	101,85%
8	Tỷ lệ cổ tức (*)	%	33,66%	34,29%	

(Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015)

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 15/04/2015

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014*	Năm 2015	Tỷ lệ 2015 so với 2014
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	2,35	2,94	126,03%
-	Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,31	2,90	125,50%
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	20,57	18,67	90,75%
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	25,89	22,95	88,63%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	28,64	31,76	110,90%
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,49	0,47	95,04%
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	53,38	54,80	102,66%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	30,90	31,75	102,77%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	26,12	25,52	97,71%
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	56,83	58,20	102,41%

Ghi chú: (*) Các chỉ tiêu năm 2014 được tính dựa trên số liệu trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014, áp dụng chính sách kế toán trước khi được sửa đổi.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

- Tổng số cổ phần phát hành: 9.500.000 cổ phần
 - Tổng số cổ phần đang lưu hành: 9.500.000 cổ phần
 - Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 31/01/2016)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	1.970	9.472.750	94.727.500.000	99,71%
1	Cổ đông Nhà nước	1	2.890.000	28.900.000.000	30,42%
2	Cổ đông tổ chức	2	2.891.058	28.910.580.000	30,43%
3	Cổ đông cá nhân	1.968	6.581.692	65.816.920.000	69,28%
II	Cổ đông nước ngoài	8	27.250	272.500.000	0,29%
1	Cổ đông tổ chức	7	18.660	186.600.000	0,20%
2	Cổ đông cá nhân	1	8.590	85.900.000	0,09%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng		1.978	9.500.000	95.000.000.000

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	393 Trưng Nữ Vương, TP Đà Nẵng	2.890.000	28.900.000.000	30,42%

(Đến ngày 31/01/2016)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: Không có.



Sở hữu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

(Tính đến ngày 31/01/2016)

Đối tượng	Họ và tên – Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Lê Kim Hùng - Chủ tịch	10.000	0,11%	
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.744.000	18,36%	Đại diện CSH
	Ông Nguyễn Sơn - Thành viên	10.000	0,11%	
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	578.000	6,08%	Đại diện CSH
	Ông Nguyễn Minh Tiến - Thành viên	21.260	0,22%	
	Bà Phạm Thị Bích Nhung	40.000	0,42%	Vợ
	Ông Nguyễn Văn Đức - Thành viên	5.000	0,05%	
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	578.000	6,08%	Đại diện CSH
	Ông Nguyễn Đức Trọng - Thành viên	40.000	0,42%	
BAN KIỂM SOÁT	Ông Hồ Thăng Thu – Trưởng ban	18.000	0,19%	
	Ông Lê Duy Anh Tuấn - Thành viên	0	0,00%	
	Ông Hồ Quốc Việt - Thành viên	5.500	0,06%	
BAN ĐIỀU HÀNH	Ông Nguyễn Sơn - Giám đốc	-	-	
	Ông Võ Đình Thanh Tuấn - Phó Giám đốc	4.550	0,05%	
	Ông Phạm Đức Hùng - Kế toán trưởng	12.600	0,13%	
TỔNG		3.066.910	32,28%	

Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/ Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hồ Thăng Thu	Trưởng ban kiểm soát	10.000	0,11%	18.000	0,19%	Mua để tăng tỷ lệ sở hữu
2	Nguyễn Minh Tiến	Thành viên HĐQT	20.000	0,21%	21.260	0,22%	Mua để tăng tỷ lệ sở hữu

Công ty không ngừng chú trọng đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp và xem đây là một tài sản lớn vô hình, vô giá của Công ty trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững. Công ty duy trì và thực hiện tốt phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,...

Công ty luôn duy trì và phát huy các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong doanh nghiệp thông qua các hoạt động phong trào trong Công ty và phong trào “Xanh, sạch đẹp” để giữ được môi trường làm việc lành mạnh, nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động. Các hoạt động nhằm gắn kết người lao động trong toàn đơn vị, khích lệ và động viên người lao động phát huy năng khiếu và tạo nên sân chơi sôi nổi, là động lực để mọi người cùng đoàn kết, hăng hái, cùng nhau quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn



TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh kết hợp với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Thực hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, Công ty luôn quan tâm đến công tác xã hội, nhân đạo và từ thiện. Xem đây là trách nhiệm, nghĩa cử đối với cộng đồng. Trong năm 2015, Công ty đã tham gia các công tác xã hội như: tặng quà cho các gia đình chính sách, hộ nghèo của xã Eapô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông nhân dịp đón xuân, hỗ trợ cho Hội nạn nhân chất độc màu da cam huyện Cư Jút và của tỉnh Đắk Nông....Tham gia một số công tác xã hội tại địa phương.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC





Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch năm 2015 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015:

STT	Nội dung	ĐVT	KH2015	TH2015	TH2015/ KH2015
1	Tổng sản lượng điện thương phẩm	kWh	70.000.000	53.838.870	76,91%
	Tổng doanh thu	Đồng	63.745.998.000	65.555.917.904	102,84%
	Doanh thu tiền điện	Đồng	62.245.998.000	55.713.325.294	89,51%
2	Thuế tài nguyên nước và phí môi trường rừng	Đồng	0	4.549.156.546	
	Phí môi trường năm 2011 và 2012	Đồng	0	2.983.471.820	
	Doanh thu tài chính	Đồng	1.500.000.000	2.000.253.913	133,35%
	Doanh thu khác	Đồng	0	309.710.331	
3	Tổng chi phí	Đồng	24.699.617.000	28.684.680.131	116,13%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	39.046.381.000	36.871.237.773	94,43%
5	Thuế TNDN	Đồng	2.207.319.075	2.211.256.868	100,18%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	36.839.061.925	34.659.980.905	94,08%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng /cp	3.604	3.429	95,14%

Trong năm 2015, do ảnh hưởng của thời tiết, tình hình khô hạn kéo dài dẫn đến nguồn nước về phục vụ cho sản xuất không đủ, làm ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng sản lượng điện thương phẩm năm nay là 53,5 triệu kWh, chỉ đạt khoảng 77% kế hoạch được giao.

Mặc dù sản lượng điện đạt thấp nhưng do giá bán điện bình quân năm 2015 tăng, đồng thời Công ty được bên mua trả thêm hai khoản là thuế tài nguyên nước và phí môi trường rừng; bên cạnh đó Công ty được hoàn trả phí môi trường rừng hai năm 2011 và 2012 nên tổng doanh thu cả năm đã vượt chỉ tiêu gần 3%.

Tổng chi phí trong năm vượt 16% so với kế hoạch; nếu loại trừ hai khoản thuế tài nguyên và phí dịch môi trường rừng năm 2015 (do khi lập kế hoạch không tính) thì chi phí còn lại là 97,75% so với kế hoạch..

Mặc dù việc hoàn thành các chỉ tiêu không được như mong muốn nhưng trong năm, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã nỗ lực không ngừng phối hợp cùng toàn thể cán bộ công nhân viên nhằm duy trì sản xuất và đảm bảo chất lượng thành phẩm.

- ☞ Ban lãnh đạo đã chỉ đạo cán bộ công nhân viên chủ động khai thác tốt nguồn nước để vận hành máy vào giờ cao điểm.
- ☞ Tập trung công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, sắp xếp thời gian thực hiện một cách hợp lý, hiệu quả. Công tác kiểm tra thiết bị luôn được chú trọng. Từ đó, hạn chế thấp nhất các sự cố dẫn đến phải ngừng máy do chủ quan.

Đánh giá kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng trong năm 2015

Công tác sản xuất kinh doanh

Trong năm, tuy công tác sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn khách quan, nhưng Ban Giám đốc đã chỉ đạo cán bộ công nhân viên tranh thủ nguồn nước để vận hành nhà máy vào giờ cao điểm mùa khô, từ đó làm tăng giá bán điện bình quân từ 889,23 đồng/kWh theo kế hoạch lên 1.034,82 đồng/kWh. Đồng thời chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ khai thác tốt phần vốn gửi ngân hàng hiện có, cụ thể là doanh thu tài chính tăng 33,35% so với kế hoạch.

Luôn chủ động thực hiện công tác kiểm tra, duy tu bảo dưỡng và vận hành nhà máy, trạm biến áp, đường dây và công trình thủy công. Chủ động trong việc kiểm tra thường xuyên công tác vận hành an toàn máy móc, thiết bị của nhà máy.

Thực hiện phương án phối hợp sử dụng nguồn nước với nhà máy thủy điện Hòa phú; nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 1 và 3, để đảm bảo nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tối đa sản lượng và doanh thu của nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 .

Để tránh tình trạng dừng máy do sự cố, Ban Giám đốc đã chủ động thực hiện một số hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu để đảm bảo công tác vận hành được an toàn, liên tục như: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị phụ trợ nhà máy; Nạo vét bùn, rác tại bể áp lực và cửa nhận nước; Duy tu, bảo dưỡng Tổ máy H1 - thuộc công trình với các nội dung được thực hiện như: Bảo dưỡng 02 servo cánh hướng của Turbin; Bảo dưỡng và thay dầu các ổ hướng dưới, ổ hướng trên, ổ tua bin; Hệ thống điều tốc; Hệ thống bơm nước kỹ thuật, bơm nước rò; Máy phát; Súc rửa các kết nước làm mát cho máy phát. Đặc biệt là công trình Đại tu tổ máy H2 được thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ được phê duyệt.

Chủ động thực hiện công tác mua sắm vật tư thiết bị dự phòng phục vụ xử lý sự cố và sản xuất kịp thời.

Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo đột xuất và định kỳ đến các Sở, Ban ngành địa phương để đảm bảo công tác quản lý và vận hành đúng theo quy định của pháp luật.

🔧 Công tác quản lý kỹ thuật, An toàn về sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt

Công tác quản lý thiết bị vẫn được duy trì theo nề nếp, vật tư thiết bị dự phòng luôn được chuẩn bị đầy đủ để thay thế kịp thời những hư hỏng đảm bảo cho vận hành được liên tục.

Tiếp tục hiệu chỉnh một số quy trình vận hành cho phù hợp hơn với thực tế sản xuất của Công ty. Biên soạn bổ sung các quy định về công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị của nhà máy. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hồ sơ quản lý kỹ thuật, hồ sơ kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động.

Công tác an toàn trong vận hành hệ thống luôn được chú trọng, tuân thủ nghiêm ngặt chế độ phiếu thao tác, phiếu công tác; Tổ chức huấn luyện và sát hạch các chức danh thực hiện phiếu thao tác - phiếu công tác cho tất cả công nhân vận hành và cán bộ quản lý theo Thông tư số 44/2014/TT - BCT.

Đặc biệt chú trọng đến công tác kiểm định và tổ chức huấn luyện; kiểm tra sát hạch định kỳ cho công nhân về vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt luôn được quan tâm và gắn liền với công tác vận hành an toàn nhà máy. Vì thế, Công ty đã chủ động tổ chức huấn luyện và diễn tập phương án phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, đồng thời mua bổ sung các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho nhà máy theo phương án đã được duyệt.

Công tác bảo hộ lao động được Công ty quan tâm thực hiện chu đáo. Các chế độ phụ cấp ca 3, phụ cấp làm thêm giờ, trang bị trang cụ an toàn ... được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, kết quả 100% cán bộ công nhân viên đều đảm bảo sức khỏe để đảm đương công việc.

🔧 Công tác tài chính

Công tác thu hồi công nợ tiền bán điện kịp thời. Ngoài ra với nguồn tiền nhàn rỗi, Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn nhằm mục đích sử dụng nguồn tiền an toàn và hiệu quả, làm tăng doanh thu hoạt động tài chính.

Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 và các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã xem xét dòng tiền và tiến hành chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả các đợt cổ tức bằng tiền với tổng tỷ lệ chi trả đạt 35%/cổ phiếu, trong đó:

- Phần cổ tức còn lại của năm 2014 là: 9,82%;
- Phần cổ tức của năm 2015 là: 25,18%.

🔧 Công tác khác

Tổ chức, sắp xếp bổ nhiệm các vị trí chủ chốt trong bộ máy quản lý theo đúng Điều lệ hoạt động và Quy chế quản trị của công ty.

Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán: Việc minh bạch thông tin trên thị trường chứng khoán là một việc rất quan trọng để tạo được niềm tin đối với nhà đầu tư. Nên trong thời gian qua Công ty đã thực hiện rất tốt công tác công bố và minh bạch thông tin đúng theo quy định của pháp luật.



Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Công ty duy trì bộ máy hoạt động gọn nhẹ với 32 cán bộ công nhân viên trẻ, đoàn kết, có trình độ chuyên môn tốt, được đào tạo bài bản, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và có tác phong làm việc chuyên nghiệp.

Trong năm, Công ty đã xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự toán tài chính và cùng với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đề ra và thực hiện tốt các biện pháp quản lý chi phí, cắt giảm các chi phí không cần thiết, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Các báo cáo với cơ quan cấp trên và Ban Ngành liên quan được thực hiện đầy đủ.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

(tính đến ngày 31/12/2015)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	TH2015/ TH2014	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2015
Tài sản ngắn hạn	66.043.867.302	73.317.943.692	111,01%	47,91%	54,80%
Tài sản dài hạn	71.793.825.880	60.465.557.394	84,22%	52,09%	45,20%
Tổng tài sản	137.837.693.182	133.783.501.086	97,06%	100%	100%

(ĐVT: đồng)

Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty

(tính đến ngày 31/12/2015)

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	60.894.796.964	15.034.580.557	45.860.216.407	75,31%
Máy móc, thiết bị	86.753.966.049	74.198.723.618	12.555.242.431	14,47%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.526.598.546	542.952.142	983.646.404	64,43%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	439.822.909	103.853.273	335.969.636	76,39%
TSCĐ khác	1.467.246.471	935.987.855	531.258.616	36,21%
Tổng cộng	151.082.430.939	90.816.097.445	60.266.333.494	39,89%

(ĐVT: đồng)

Công ty không có tài sản cố định hữu hình mang đi thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 3.226.976.003 đồng.

Tình hình nợ phải trả

(tính đến ngày 31/12/2015)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	TH2015/ TH2014	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2015
Nợ ngắn hạn	28.351.344.533	24.973.570.768	88,09%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	0%	0%
Tổng nợ phải trả	28.351.344.533	24.973.570.768	88,09%	100%	100%

(ĐVT: đồng)

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CÔNG TÁC BỘ MÁY TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- ☛ Chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế bằng nhiều hình thức.
- ☛ Trong năm Công ty đã xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, chi phí làm cơ sở triển khai thực hiện, đồng thời Công ty cũng đã xây dựng các quy định nội bộ về chi tiêu, bảo dưỡng sửa chữa nhằm kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, tăng cường biện pháp kiểm tra trực tiếp, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- ☛ Các công tác khác như phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, an toàn lao động... tiếp tục được duy trì ổn định

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh

Với các chỉ tiêu Hội đồng quản trị đưa ra, Ban Giám đốc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể cho năm 2016 như sau:

- ☛ Tổng sản lượng điện thương phẩm: 52,00 triệu kWh
- ☛ Tổng doanh thu: 53,41 tỷ đồng
Trong đó:
 - Doanh thu tiền điện: 51,61 tỷ đồng
 - Doanh thu tài chính: 1,80 tỷ đồng
- ☛ Tổng chi phí: 25,92 tỷ đồng
- ☛ Lợi nhuận trước thuế TNDN: 27,48 tỷ đồng
- ☛ Lợi nhuận sau thuế TNDN: 25,78 tỷ đồng
- ☛ Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 2.713 đồng/cổ phiếu
- ☛ Cổ tức dự kiến năm 2016: đạt từ 25% trở lên

Một số nội dung khác của công tác sản xuất kinh doanh năm 2016

- ☛ Quản lý vận hành và khai thác an toàn, hiệu quả nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2.
- ☛ Đề nghị điều chỉnh Quy trình vận hành hồ chứa cho phù hợp với thực tế làm việc tại nhà máy thủy điện Hòa Phú, đồng thời chủ động phối hợp với các nhà máy tại cụm Đrây H'Linh để khai thác tốt nguồn nước phát điện vào giờ cao điểm mùa khô.
- ☛ Tổ chức đại tu và khắc phục khiếm khuyết trực chính của tổ máy H1 tại nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 đảm bảo chất lượng và tiến độ đã đề ra.
- ☛ Triển khai một cách nhanh chóng, chất lượng và hợp lý về mặt thời gian các hạng mục thuộc công trình: Bảo dưỡng và thí nghiệm định kỳ nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 năm 2016.
- ☛ Tiếp tục duy trì và nâng cao công tác quản lý tài chính, quản lý kỹ thuật, an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt.
- ☛ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty đối với địa phương.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2015, nền kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến tích cực với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,68%, cao hơn so với mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2014. Tình chung cả năm 2015, chỉ số sản xuất toàn Ngành Công nghiệp tăng, ước tính 9,8% so với năm 2014, trong đó Ngành Sản xuất và phân phối điện năng tăng 11,4%. Nhưng đối với Ngành Thủy điện trong năm 2015, tình hình khí tượng thủy văn không thuận lợi, khô hạn kéo dài, tổ lượng dòng chảy đến các hồ thủy điện đều thấp nên doanh nghiệp đầu tư thủy điện, đặc biệt là các thủy điện vừa và nhỏ gặp không ít khó khăn, trong đó có Công ty cổ phần Thủy điện – Điện lực 3.

Đối với khu vực Tây Nguyên, năm 2015 lại là một năm đặc biệt khó khăn cho công việc sản xuất do tình hình thủy văn khô hạn. Hoạt động trong ngành thủy điện, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước thiên nhiên. Tuy nhiên trong năm 2015, mùa mưa ngắn mà mưa khô lại kéo dài dẫn đến nguồn nước về các hồ thấp hơn khá nhiều so với trung bình nhiều năm gây trở ngại lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù đã có những biện pháp chủ động khai thác nguồn nước để vận hành nhà máy vào giờ cao điểm mùa khô, những biện pháp vận hành lòng hồ, điều động máy móc, nhân lực nhưng do nguồn nước về không đủ dẫn đến sản lượng điện thương phẩm đạt thấp, chỉ đạt xấp xỉ 77% so với kế hoạch và bằng 67,7% của năm 2014.

Các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm hầu như đều không đạt nhưng trong tình hình điều kiện thời tiết không mấy ưu đãi như năm 2015, thì việc duy trì được kết quả kinh doanh, thậm chí có phần trội hơn so với năm 2014 đã là một thành tích rất đáng được ghi nhận của tập thể lãnh đạo toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty. So với kết quả kinh doanh năm 2014, trong năm 2015:

- Tổng doanh thu đạt 65,6 tỷ đồng, tương đương với tổng doanh thu của năm 2014
- Chi phí được kiểm soát tốt hơn, giảm hơn 3%, từ 29,7 tỷ đồng năm 2014 xuống còn 28,7 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế và sau thuế tăng nhẹ lần lượt đạt 36,9 và 34,7 tỷ đồng
- Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu đạt 3.429 đồng, tăng gần 2%.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 3.429 đồng/cổ phiếu
- Thu nhập bình quân người lao động tăng gần 4%, đạt gần 13,5 triệu đồng

Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong năm 2015, Hội đồng quản trị đánh giá công ty còn những tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

- Việc sử dụng nguồn vốn chưa dùng, vốn khấu hao chưa được hiệu quả, hiện tại chỉ đang ở mức gửi tiết kiệm lấy lãi tiền gửi ngân hàng.

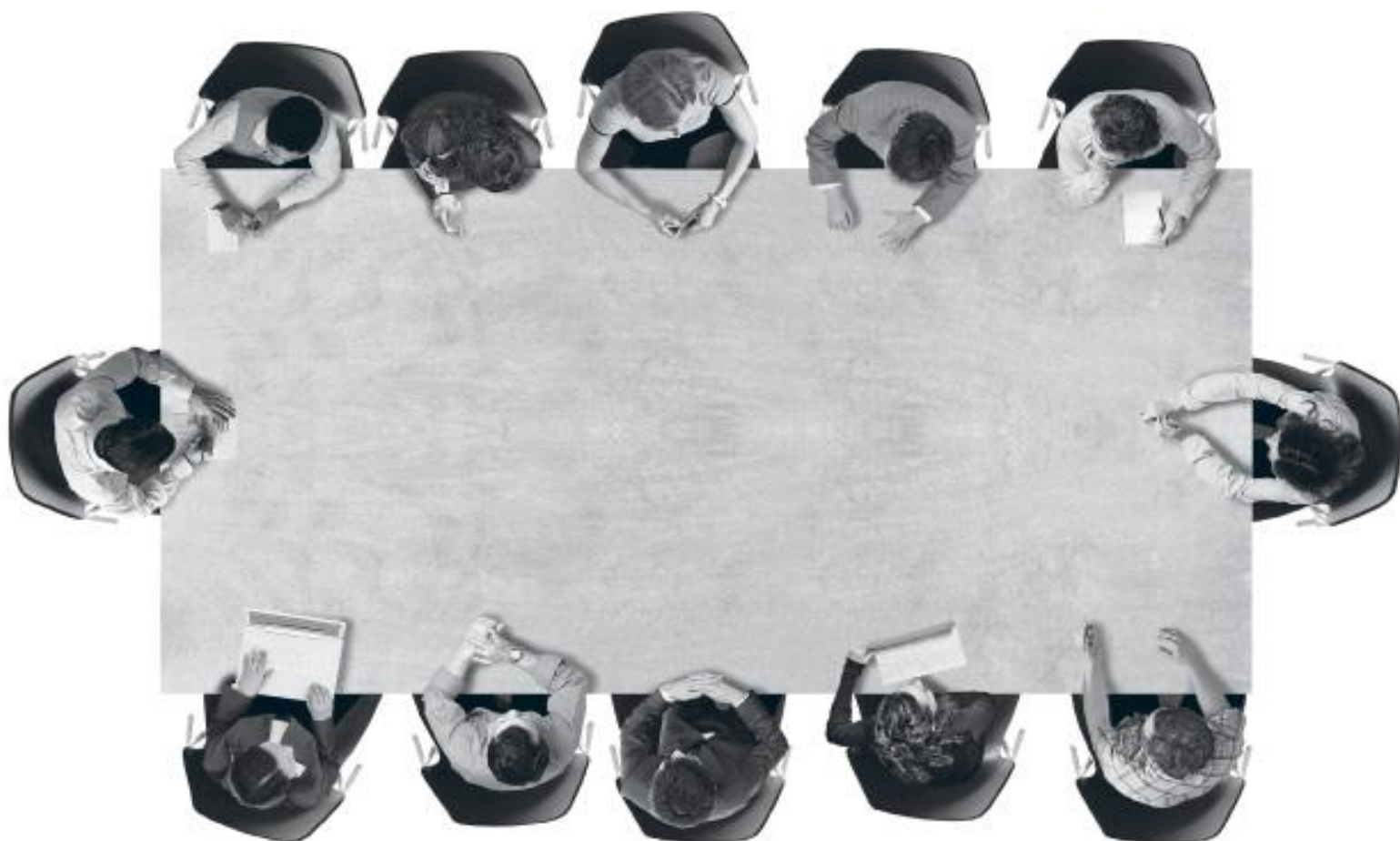


ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2015, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành sản xuất kinh doanh, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình Hội đồng quản trị xem xét. Thông qua các cuộc họp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất những giải pháp và xin ý kiến của Hội đồng quản trị để giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc của Công ty.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên đã chủ động đối mặt với khó khăn, nỗ lực thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các định hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Nhưng trong năm, do tình hình thời tiết hạn hán bất thường và một số nguyên nhân khách quan như: chế độ vận hành của các nhà máy thủy điện bậc trên; sự phân chia nguồn nước giữa các nhà máy thủy điện tại cụm Đrây H'Linh, gây ra nhiều bất lợi cho công tác sản xuất kinh doanh. Kết quả là sản lượng và lợi nhuận đạt mức thấp so với các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất tiếp tục ổn định, cải thiện hiệu quả công việc và ngày càng phát huy tác dụng, tiết kiệm chi phí hoạt động. Công ty đã không ngừng đổi mới công tác quản lý và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Năm 2015, Hội đồng quản trị không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động điều hành Công ty của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trước hiện tượng El Nino đang diễn biến phức tạp, nên năm 2016 là năm mà được báo trước tình hình mùa khô đến sớm và khốc liệt đối với Tây Nguyên, mà đặc biệt là lưu vực sông SêrêPôk, đồng thời kèm theo là sự vận hành không ổn định của Nhà máy thủy điện Hòa phú (Lúc nhà máy Hòa phú vận hành thì lượng nước về quá thừa, lúc không vận hành thì không có nước để sản xuất). Đó là những khó khăn không nhỏ trong việc thực hiện các mục tiêu về sản lượng và lợi nhuận của Công ty trong năm 2016.

Mục tiêu quan trọng và chủ yếu trong năm 2016 là duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng việc vận hành an toàn và hiệu quả nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2. Tận dụng tốt nguồn nước để khai thác hiệu quả giá bán điện giờ cao điểm mùa khô, quản lý và kiểm soát tốt chi phí, từ đó nâng cao doanh thu và lợi nhuận để đảm bảo cổ tức đạt từ 25% trở lên cho cổ đông. Hội đồng quản trị định hướng một số chỉ tiêu chính dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

- 🔑 Tổng sản lượng điện thương phẩm: 52,00 triệu kWh
- 🔑 Tổng doanh thu : 53,41 tỷ đồng
- 🔑 Lợi nhuận sau thuế: 25,78 tỷ đồng
- 🔑 Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 2.713 đồng/cổ phiếu
- 🔑 Cổ tức dự kiến cho cổ đông: đạt từ 25% trở lên

Để thực hiện các chỉ tiêu nêu trên, sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp sau đây:

- 🔑 Chỉ đạo Ban Giám đốc bám sát và thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, Nghị quyết và các chỉ đạo của HĐQT.
- 🔑 Chỉ đạo Giám đốc công ty phối hợp theo dõi công tác vận hành của các nhà máy thủy điện bậc trên để vận hành nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2, đảm bảo vận hành theo lượng nước về. Đồng thời phối hợp với các chủ đầu tư của các nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 1 và 3 để sửa đổi bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa Đrây H'Linh cho phù hợp với tình hình thực tế nguồn nước vận hành khi có nhà máy thủy điện Hòa Phú, để đảm bảo trên tinh thần không lãng phí nguồn nước.
- 🔑 Chỉ đạo công tác quản lý kỹ thuật; đại tu, sửa chữa nhà máy theo kế hoạch, sẵn sàng vận hành khi có nước. Tăng cường kỷ luật vận hành, giảm thiểu sự cố (không có sự cố chủ quan) để đạt sản lượng phát điện trong năm.
- 🔑 Nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí để mang lại hiệu quả và lợi nhuận cao nhất cho cổ đông.
- 🔑 Tập trung cho công tác đào tạo cán bộ, tạo thế mạnh về nguồn nhân lực cho Công ty, hoàn thiện hệ thống lương, thưởng, đánh giá và quy hoạch cán bộ quản lý...
- 🔑 Tổ chức các phiên họp định kỳ và các cuộc họp mở rộng đột xuất để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của HĐQT đối với Ba Giám đốc điều hành.





QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2015

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch	5/5	
2	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên kiêm Giám đốc	5/5	
3	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	5/5	
4	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	4/5	Công tác nước ngoài
5	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên	5/5	

Trong năm 2015, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần và duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Với số lượng là 5 thành viên, HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, đồng thời có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức các phiên họp định kỳ, mỗi quý một lần để kiểm điểm đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết trong thời gian qua đồng thời ra Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ cụ thể trong thời gian tới, đảm bảo bám sát các mục tiêu, yêu cầu phát triển của Công ty. Bằng sự quyết tâm cao, chủ động đối mặt với khó khăn, thách thức, HĐQT đã chỉ đạo Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV nỗ lực thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành đạt mức cao nhất các chỉ tiêu kinh tế và tất cả các nội dung đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 với mục đích đem đến lợi ích cao nhất cho các cổ đông và sự phát triển bền vững cho Công ty.

Qua các cuộc họp, HĐQT đã quyết định được các vấn đề sau:

- ☞ Nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015;
- ☞ Các quyết định quản lý điều hành công ty liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015;
- ☞ Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm;
- ☞ Thực hiện chi trả cổ tức phần còn lại của năm 2014 và tạm ứng cổ tức năm 2015 với tỷ lệ là 15,00% cho các cổ đông của công ty;
- ☞ Thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2015 với tỷ lệ là 20,00%.



Để đảm bảo hoạt động của Công ty được thông suốt, kịp thời và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết liên quan đến các vấn đề quan trọng của Công ty

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2015

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	06/2015/NQ-PC3HP.Co-HĐQT	03/03/2015	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
2	11/2015/NQ-PC3HP.Co-HĐQT	16/04/2015	Chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức phần còn lại của năm 2014 và tạm ứng cổ tức năm 2015 với tỷ lệ là 15,00%/cổ phiếu. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> ☛ Cổ tức còn lại 2014: 9,82%/cổ phiếu ☛ Tạm ứng cổ tức 2015: 5,18%/cổ phiếu
3	14/2015/NQ-PC3HP.Co-HĐQT	03/06/2015	Về việc bán xe ô tô Toyota Land Cruiser cũ và mua ô tô mới phục vụ công tác sản xuất kinh doanh
4	15/2015/NQ-PC3HP.Co-HĐQT	03/06/2015	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015
5	16/2015/NQ-PC3HP.Co-HĐQT	16/11/2015	Chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2015 với tỷ lệ là 20,00%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoạt động với vai trò giám sát, luôn phản biện đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp với các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHCĐ và HĐQT.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát

☛ Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã tổ chức 2 cuộc họp định kỳ 6 tháng và năm với tỷ lệ dự họp 100% để thẩm định Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2015 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, đồng thời kiểm soát chi phí và tình hình thực hiện công tác sản xuất kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2015 nhằm kịp thời tham mưu, hỗ trợ Ban Giám đốc trong trường hợp có các vấn đề phát sinh.

☛ Tham gia các cuộc họp với Hội đồng quản trị

Trong năm Ban Kiểm soát đã cử đại diện để tham gia 3 cuộc họp mở rộng của Hội đồng quản trị Công ty để triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

☛ Giải quyết các vấn đề do cổ đông kiến nghị theo quy định

Một trong những nhiệm vụ của Ban kiểm soát là thực hiện kiểm tra từng vấn đề có liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi cổ đông yêu cầu. Tuy nhiên, trong năm 2015 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty, về việc điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ở mức độ nhất định, theo đánh giá của Ban kiểm soát hoạt động của Công ty thông qua những người điều hành và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 đạt được sự tin tưởng cao của cổ đông.

Đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ điều hành Công ty một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, theo đúng Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các công việc cần triển khai theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được Ban Giám đốc thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Qua kiểm tra, Ban Kiểm soát có thể đánh giá như sau

- ☛ Mặc dù hoạt động trong bối cảnh khó khăn về điều kiện thời tiết, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong kế hoạch tài chính - sản xuất kinh doanh năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được thực hiện và đạt kết quả tương đối so với kế hoạch đề ra
- ☛ Công tác lao động tiền lương; khung giá vật tư, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ trong Công ty đều thực hiện theo đúng các quy định của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt
- ☛ Việc ký kết các hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các tổ chức và cá nhân bên ngoài như mua vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, đơn giá nhân công để thực hiện các công trình đúng theo quy định của Nhà nước, tất cả hợp đồng mua các thiết bị, vật tư có giá trị lớn đều thực hiện đúng theo Luật Đấu thầu.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2015 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao/ Lợi ích khác
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			85.000.000	276.000.000
1	Lê Kim Hùng	Chủ tịch		25.000.000	84.000.000
	Nguyễn Sơn	Thành viên		15.000.000	48.000.000
	Nguyễn Minh Tiến	Thành viên		15.000.000	48.000.000
	Nguyễn Văn Đức	Thành viên		15.000.000	48.000.000
	Nguyễn Đức Trọng	Thành viên		15.000.000	48.000.000
	BAN KIỂM SOÁT			35.000.000	120.000.000
2	Hồ Thăng Thu	Trưởng ban		15.000.000	48.000.000
	Lê Duy Anh Tuấn	Thành viên		10.000.000	36.000.000
	Hồ Quốc Việt	Thành viên		10.000.000	36.000.000
	BAN ĐIỀU HÀNH		766.487.717	157.850.659	
3	Nguyễn Sơn	Giám đốc	286.281.244	62.722.208	
	Võ Đình Thanh Tuấn	Phó giám đốc	223.667.339	46.541.657	
	Phạm Đức Hùng	Kế toán trưởng	256.539.134	48.586.794	
TỔNG CỘNG			766.487.717	277.850.659	396.000.000

(ĐVT: đồng)

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc Quản trị công ty theo qui định theo Quy chế nội bộ và quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 01/02/2016, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 7 tháng 3 năm 2016

Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.317.943.692	66.043.867.302
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		56.224.344.317	56.929.874.086
1. Tiền	111	5	146.610.739	1.438.820.786
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	56.077.733.578	55.491.053.300
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.134.193.998	8.523.566.022
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.767.211.237	8.297.383.995
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		83.339.072	27.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	751.502.090	666.540.428
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(467.858.401)	(467.858.401)
IV. Hàng tồn kho	140	9	959.405.377	590.427.194
1. Hàng tồn kho	141		959.405.377	590.427.194
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.465.557.394	71.793.825.880
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		60.266.333.494	70.243.070.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	60.266.333.494	70.243.070.386
- Nguyên giá	222		151.082.430.939	151.323.455.121
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.816.097.445)	(81.080.384.735)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	246.797.273
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	246.797.273
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		199.223.900	1.303.958.221
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	130.000.000	830.000.000
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		69.223.900	473.958.221
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		133.783.501.086	137.837.693.182



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.973.570.768	28.351.344.533
I. Nợ ngắn hạn	310		24.973.570.768	28.351.344.533
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	227.948.531	302.172.301
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.419.612.062	2.361.188.402
3. Phải trả người lao động	314		1.131.411.197	1.144.841.417
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	671.043.260	3.888.770.340
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	19.050.553.155	19.052.885.842
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.473.002.563	1.601.486.231
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.809.930.318	109.486.348.649
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	108.809.930.318	109.486.348.649
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	17	1.462.308.448	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	3.689.983.751	3.689.983.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	8.657.638.119	9.334.056.450
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.056.450	3.018.750
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.652.581.669	9.331.037.700
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		133.783.501.086	137.837.693.182



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	63.245.953.660	63.756.158.418
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		63.245.953.660	63.756.158.418
4. Giá vốn hàng bán	11	19	24.613.045.916	25.351.609.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>38.632.907.744</u>	<u>38.404.548.804</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.000.253.913	2.135.185.561
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.824.836.942	4.308.309.155
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>36.808.324.715</u>	<u>36.231.425.210</u>
11. Thu nhập khác	31	22	309.710.331	-
12. Chi phí khác	32	23	246.797.273	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>62.913.058</u>	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>36.871.237.773</u>	<u>36.231.425.210</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	2.211.256.868	2.201.177.606
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>34.659.980.905</u>	<u>34.030.247.604</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	3.429	3.366
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.429	3.366



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		56.774.126.418	70.958.132.226
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(11.698.484.203)	(11.417.976.630)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.223.514.299)	(3.824.330.194)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	14	(2.076.918.666)	(2.702.414.389)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		259.952.008	366.762.970
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.233.920.453)	(15.822.383.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.801.240.805	37.557.790.740
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	10	(1.423.003.818)	(1.037.390.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		244.717.273	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,20	1.921.515.971	1.984.465.583
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		743.229.426	947.075.583
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16,17c	(33.250.000.000)	(14.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.250.000.000)	(14.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(705.529.769)	24.254.866.323
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,6	56.929.874.086	32.675.007.763
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5,6	56.224.344.317	56.929.874.086



Nguyễn Sơn

Đăk Nông, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 12 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0400456277. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ – SGDHCM ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11/04/2012.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện
 - Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện
 - Đầu tư xây dựng các dự án điện
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
 - Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã cấp ở trên).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.





Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 31) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.



Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	6 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	8

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.



Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả phát sinh tại Công ty là tiền dịch vụ môi trường rừng: được xác định dựa vào sản lượng điện đã phát (kw) và đơn giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (20đ/kwh).

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại Hợp đồng kinh tế số 05/2011/Đrây H' Linh 2/EVN CPC-CF TĐ ĐL 3 ngày 31/05/2011 với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá cụ thể áp dụng theo Biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.



4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:
 - Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nhà máy điện ĐRâyH'Linh 2 đi vào hoạt động từ tháng 2 năm 2007, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2007 đến năm 2021.
 - Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được miễn thuế trong 4 năm (2007- 2010) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2011-2019).

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ - CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

- Thuế nhập khẩu và tiền thuế đất
 - Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).



- Theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐTD ngày 23/07/2009 thì Công ty đã ký hợp đồng thuê 220.352 m² đất với thời hạn 50 năm (từ ngày 01/07/2004 đến ngày 01/07/2054) tại xã Ea pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông để xây dựng nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 13 năm từ năm 2004 đến năm 2016.

Những ưu đãi về thuế nhập khẩu, tiền thuê đất được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 63121000107 ngày 27/06/2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	91.193.113	195.824.152
Tiền gửi ngân hàng	55.417.626	1.242.996.634
Cộng	146.610.739	1.438.820.786

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	56.077.733.578	55.491.053.300
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	11.400.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - CN Đắk Lắk	4.200.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Đắk Lắk	30.100.000.000	28.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực - CN Đà Nẵng	10.377.733.578	14.491.053.300
Cộng	56.077.733.578	55.491.053.300

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	15.767.211.237	8.297.383.995
Cộng	15.767.211.237	8.297.383.995



8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	256.665.223	-	177.927.281	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	26.978.466	-	4.754.746	-
Tạm ứng	-	-	16.000.000	-
Công ty CP ĐT và XD Miền Trung	467.858.401	467.858.401	467.858.401	467.858.401
Cộng	751.502.090	467.858.401	666.540.428	467.858.401

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	959.405.377	-	587.807.194	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	2.620.000	-
Cộng	959.405.377	-	590.427.194	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015.



10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	60.817.564.964	86.753.966.049	2.103.835.637	134.567.118	1.513.521.353	151.323.455.121
Trình bày lại	77.232.000	-	-	(30.957.118)	(46.274.882)	-
Mua sắm trong năm	-	-	1.086.790.909	336.212.909	-	1.423.003.818
T/lý, nhượng bán	-	-	1.655.028.000	-	-	1.655.028.000
Giảm khác	-	-	9.000.000	-	-	9.000.000
Số cuối năm	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	439.822.909	1.467.246.471	151.082.430.939
Khấu hao						
Số đầu năm	13.211.808.058	65.940.026.366	1.115.577.572	84.583.596	728.389.143	81.080.384.735
Trình bày lại	11.836.968	-	-	(36.029.864)	24.192.896	-
Khấu hao trong năm	1.810.935.531	8.258.697.252	240.115.901	55.299.541	183.405.816	10.548.454.041
T/lý, nhượng bán	-	-	812.741.331	-	-	812.741.331
Số cuối năm	15.034.580.557	74.198.723.618	542.952.142	103.853.273	935.987.855	90.816.097.445
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	47.605.756.906	20.813.939.683	988.258.065	49.983.522	785.132.210	70.243.070.386
Số cuối năm	45.860.216.407	12.555.242.431	983.646.404	335.969.636	531.258.616	60.266.333.494

- Không có TSCĐ hữu hình mang đi thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 3.226.976.003 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	40.000.000	40.000.000
Mua trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	40.000.000	40.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	40.000.000	40.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	40.000.000	40.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐVH đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 40.000.000 đồng.



12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí sửa chữa máy biến áp 10.000 KVA	130.000.000	830.000.000
Cộng	130.000.000	830.000.000

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV CN Môi trường Bình Phước Xanh	26.470.400	16.240.570
Các đối tượng khác	201.478.131	285.931.731
Cộng	227.948.531	302.172.301

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	553.790.597	5.782.689.261	5.714.383.747	622.096.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.332.402.663	2.211.256.868	2.076.918.666	1.466.740.865
Thuế thu nhập cá nhân	43.433.746	1.230.501.816	1.212.677.096	61.258.466
Thuế tài nguyên	431.561.396	3.472.379.148	3.634.423.924	269.516.620
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.361.188.402	12.699.827.093	12.641.403.433	2.419.612.062

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Phí môi trường rừng	671.043.260	3.791.270.340
Chi phí may đồng phục	-	97.500.000
Cộng	671.043.260	3.888.770.340



16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	-	22.677.937
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	19.000.000.000	19.000.000.000
Phải trả khác	50.553.155	30.207.905
Cộng	19.050.553.155	19.052.885.842

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	95.000.000.000	1.462.308.448	470.000.000	3.219.983.751	10.605.018.750	110.757.310.949
Tăng trong năm	-	-	-	-	34.030.247.604	34.030.247.604
Giảm trong năm	-	-	-	-	35.301.209.904	35.301.209.904
Số dư tại 31/12/2014	95.000.000.000	1.462.308.448	470.000.000	3.219.983.751	9.334.056.450	109.486.348.649
Số dư tại 01/01/2015	95.000.000.000	1.462.308.448	-	3.689.983.751	9.334.056.450	109.486.348.649
Tăng trong năm	-	-	-	-	34.659.980.905	34.659.980.905
Giảm trong năm	-	-	-	-	35.336.399.236	35.336.399.236
Số dư tại 31/12/2015	95.000.000.000	1.462.308.448	-	3.689.983.751	8.657.638.119	108.809.930.318

b. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		



c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2015	01/01/2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	9.334.056.450	10.605.018.750
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	34.659.980.905	34.030.247.604
Phân phối lợi nhuận	35.336.399.236	35.301.209.904
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	9.329.000.000	10.602.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	9.329.000.000	10.602.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	26.007.399.236	24.699.209.904
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.086.399.236	2.051.209.904
- Trả cổ tức cho các cổ đông	23.921.000.000	22.648.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.657.638.119	9.334.056.450

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 10/2015/NQ-PC3.Co-ĐHCĐ ngày 15/04/2015 và tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 theo quyết định số 13/2015/NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 16/04/2015.

d. Cổ tức

Nghị quyết số 11/2015/NQ/PC3HP.Co-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 16/04/2015 đã quyết định chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2014 bằng tiền với tỷ lệ 9,82% (tương ứng 9.329.000.000 đồng) và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền với tỷ lệ 5,18% (tương ứng 4.921.000.000 đồng); Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 12/05/2015 và thực hiện chi trả từ ngày 28/05/2015.

Nghị quyết số 16/2015/NQ/ NQ/PC3HP.Co-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 16/11/2015 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2015 bằng tiền là 20% (tương ứng 19.000.000.000 đồng), theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 21/12/2015 và thực hiện chi trả từ ngày 20/01/2016.

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán điện thương phẩm	63.245.953.660	63.756.158.418
Cộng	63.245.953.660	63.756.158.418

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn bán điện thương phẩm	24.613.045.916	25.351.609.614
Cộng	24.613.045.916	25.351.609.614



20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.000.253.913	2.135.185.561
Cộng	2.000.253.913	2.135.185.561

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	336.144.720	506.517.616
Chi phí nhân viên quản lý	1.550.550.639	1.092.428.000
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký	442.400.000	478.749.000
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	240.571.730	230.444.321
Các khoản khác	1.255.169.853	2.000.170.218
Cộng	3.824.836.942	4.308.309.155

22. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	309.710.331	-
Cộng	309.710.331	-

23. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Xử lý chi phí XD CB dở dang không tiếp tục đầu tư	246.797.273	-
Cộng	246.797.273	-



24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.871.237.773	36.231.425.210
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	553.036.273	532.496.000
+ Điều chỉnh tăng	553.036.273	532.496.000
- Chi phí không hợp lệ	325.036.273	304.496.000
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	228.000.000	228.000.000
+ Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	37.424.274.046	36.763.921.210
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.211.256.868	2.201.177.606
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.211.256.868	2.201.177.606
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.659.980.905	34.030.247.604
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.086.399.236)	(2.051.209.904)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	2.086.399.236	2.051.209.904
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.573.581.669	31.979.037.700
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.429	3.366

26. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	515.896.949	875.843.942
Chi phí nhân công	5.785.772.554	5.362.301.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.548.454.041	10.329.030.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.114.084.901	6.302.018.082
Chi phí khác bằng tiền	4.473.674.413	7.620.725.509
Cộng	28.437.882.858	30.489.918.769



27. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

28. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng duy nhất của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...



Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	227.948.531	-	227.948.531
Chi phí phải trả	671.043.260	-	671.043.260
Phải trả khác	19.050.553.155	-	19.050.553.155
Cộng	19.949.544.946	-	19.949.544.946
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	302.172.301	-	302.172.301
Chi phí phải trả	3.888.770.340	-	3.888.770.340
Phải trả khác	19.030.207.905	-	19.030.207.905
Cộng	23.221.150.546	-	23.221.150.546

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.224.344.317	-	56.224.344.317
Phải thu khách hàng	15.767.211.237	-	15.767.211.237
Phải thu khác	283.643.689	-	283.643.689
Cộng	72.275.199.243	-	72.275.199.243
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.929.874.086	-	56.929.874.086
Phải thu khách hàng	8.297.383.995	-	8.297.383.995
Phải thu khác	182.682.027	-	182.682.027
Cộng	65.409.940.108	-	65.409.940.108



29. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán điện thương phẩm	63.245.953.660	63.756.158.418

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Khoản mục	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Phải thu khách hàng	15.767.211.237	8.297.383.995

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2015	Năm 2014
Hội đồng quản trị	176.000.000	340.749.000
Ban Giám đốc	670.469.207	319.869.027
Ban kiểm soát	120.000.000	138.000.000

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2015 (Trình bày lại)
Phải thu khác ngắn hạn	650.540.428	666.540.428
Tài sản ngắn hạn khác	16.000.000	-
Hàng tồn kho	1.064.385.415	590.427.194
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	473.958.221
Quỹ đầu tư phát triển	3.219.983.751	3.689.983.751
Quỹ dự phòng tài chính	470.000.000	-



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà



CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Sơn